



GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ Date:

Số/ N^o: A1022206063

Trang/ Page: 1/2



1. Phương tiện đo/ Object: **NHIỆT KẾ PRT CHUẨN/ STANDARD PLATINUM RESISTANCE THERMOMETERS**

2. Hãng sản xuất/ Manufacturer: **FLUKE**

3. Kiểu/ Model: **5626**

Số nhận dạng/ ID: **63**

4. Số hiệu/ SN: **4082**

5. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification:

+ Loại nhiệt kế/ Type: **Nhiệt kế đầu dò**

+ Khoảng nhiệt độ/ Temp. range: **NA**

+ Độ phân giải/ Resolution: **[0,001]°C**

6. Khách hàng/ Customer: **CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM**

7. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**

8. Nơi bảo trì/ Place of maintenance: **Phòng hiệu chuẩn 1**

9. Địa chỉ/ Address: **Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội**

10. Phương pháp bảo trì - Maintenance method: **A-00 - /**

11. Chuẩn sử dụng/ Standards Used:

12. Môi trường bảo trì/ maintenance environment:

Nhiệt độ/ Temperature: **[25,3 ÷ 25,1] °C**

Độ ẩm/ Humidity: **[62 ÷ 60] %RH**

13. Ngày bảo trì/ Date of maintenance: **12/02/2025**

14. Ngày bảo trì lại theo yêu cầu của khách hàng/
Remaintenance date as request of customer: **12/02/2026**

15. Tem bảo trì/ maintenance label: **A063**

AoV

- Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
- Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
- Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.



GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO TRÌ
CERTIFICATE OF MAINTENANCE

Ngày/ *Date*:

Sõ/ N^0 : A1022206063

Trang/ Page: 2/2



KẾT QUẢ BẢO TRÌ/ RESULTS OF MAINTENANCE

Kiểm tra thiết bị trước bảo trì/ *Test before maintenance:*

- Thiết bị hiển thị, hoạt động bình thường/ *Device display, normal operation.*
- Kiểm tra bên ngoài/ *Check outside:*
- Thông tin thiết bị đầy đủ, rõ ràng/ *Device information complete, clear.*
 - Dây đầu dò bị cháy xém đã được dán keo cách điện/ *The burned probe wire has been glued with insulation.*
- Kiểm tra kỹ thuật/ *Technical inspection:*
- Hệ thống phím bấm, hiển thị hoạt động bình thường/ *Key system, display works normally.*
- Thực hiện bảo trì/ *Perform:*
- + Bảo trì bên ngoài thiết bị/ *External maintenance of equipment.*
- Vệ sinh nắp đậy phía trên thiết bị/ *Clean the top cover of the device.*
 - Vệ sinh thân thiết bị, làm sạch bề mặt sau lưng của thiết bị/ *Clean the device body, clean the back surface of the device.*
 - Kiểm tra, vệ sinh các vị trí tiếp xúc như: Chỗ tiếp xúc giắc cắm, đầu dò .../ *Check and clean contact positions such as battery contacts, probes, etc.*
 - Kiểm tra, vệ sinh màn hình hiển thị/ *Check and clean the display screen.*
2. Kết luận sau khi bảo trì/ *Concluded after maintenance:*
- Thiết bị hoạt động bình thường/ *The device is operating normally.*
- Hết/ End ---

--- Hết/ *End* ---

AoV

1. Kết quả bảo trì ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được bảo trì trên đây.
The maintenance results in this certificate are applicable to the above maintenance instrument only.
2. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của AoV.
This certificate shall not be reproduced, except in full without the written approval of AoV.
3. Tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
Name of customer is written as customer's request.